

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH DU LỊCH 2

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Việt Nam học

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Việt Nam học

1. Tên học phần: Tiếng Anh du lịch 2

2. Mã học phần: NNA 221

3. Số tín chỉ: 03 (2,1)

4. Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ 3

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp lý thuyết: 30 tiết, thực hành : 15 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã được học xong học phần tiếng Anh du lịch 1

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	luongnn78@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182332	huongtrakhankhung@gmail.com
3	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

- Học phần tiếng Anh Du lịch 2 bao gồm 10 bài tập trung vào các chủ điểm chào hỏi, đón khách; đăng ký phòng cho khách và phục vụ khách trong thời gian lưu trú tại khách sạn; giới thiệu một số điểm thu hút khách du lịch, các điểm ăn uống và thư giãn; các loại hình du lịch.

- Học phần cũng cung cấp các kiến thức ngữ pháp trong việc sử dụng câu khuyên cáo, lời đề nghị, lời khuyên, câu yêu cầu bắt buộc; câu báo cáo lại, thì hiện tại hoàn thành, cấu trúc chỉ dẫn đường, giải thích thông tin du lịch và giải quyết các yêu cầu phàn nàn của khách. Qua đó, sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ điểm trong học phần.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu:

Mục tiêu môn học thỏa mãn chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Đọc và sử dụng đúng các từ vựng, cụm từ về chủ điểm chào hỏi, đón khách; đăng ký phòng cho khách và phục vụ khách trong thời gian lưu trú tại khách sạn; giới thiệu một số điểm thu hút khách du lịch, các điểm ăn uống và thư giãn; các loại hình du lịch	3	[1.2.1.1b]
MT1.2	Trình bày được các kiến thức ngữ pháp, mẫu câu trong việc sử dụng câu khuyến cáo, lời đề nghị, lời khuyên, câu yêu cầu bắt buộc; câu báo cáo lại, thì hiện tại hoàn thành, cấu trúc chỉ dẫn đường, giải thích thông tin du lịch và giải quyết các yêu cầu phàn nàn của khách	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói được về các chủ điểm chào hỏi, đón khách; đăng ký phòng cho khách và phục vụ khách trong thời gian lưu trú tại khách sạn; giới thiệu một số điểm thu hút khách du lịch, các điểm ăn uống và thư giãn; các loại hình du lịch	4	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Nghe hiểu các đoạn hội thoại về các chủ điểm giao tiếp thông thường liên quan đến lễ tân trong khách sạn, đón trả khách, giải quyết phàn nàn, chỉ đường, thông tin du lịch. Đọc hiểu được các đoạn văn 200-300 từ về các chủ điểm trong chương trình.	4	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Viết được các đoạn văn từ 80 - 150 từ về các chủ điểm: viết thư phúc đáp, đoạn văn giới thiệu về món ăn, giới thiệu điểm đến, viết về đặc điểm nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành.	4	[1.2.2.2] [1.2.2.4]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Có khả năng hiểu và sử dụng các cấu trúc câu đơn giản: chào hỏi, đón khách; đăng ký phòng cho khách và phục vụ khách trong thời gian lưu trú.	3	[2.2.2.2]
CDR1.2	Trình bày được các từ vựng theo các chủ điểm giao tiếp thông thường liên quan đến lễ tân trong khách sạn, đón trả khách, giải quyết phàn nàn, chỉ đường, thông tin du lịch Sử dụng được các từ vựng, cấu trúc luyện tập các bài tập theo chủ đề về chuyên ngành,	3	[2.2.2.2]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Có khả năng thực hiện hội thoại giao tiếp chào hỏi, đón khách, đăng ký đặt, trả phòng, giải quyết các phàn nàn và hướng dẫn 1 số thông tin du lịch.	4	[2.2.8]
CDR2.2	Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng.	4	[2.2.8]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	Unit 1: Arrivals 1.1. Reading: Welcome-the first encounter 1.2. Where in the world 1.3. Customer care 1.4. Listening 1.5. Speaking: Welcoming visitors 1.6. Vocabulary: Arriving and moving on 1.7. Reading: Cape town arrival information 1.8. Writing: Arrival information	X	X	X	X	X	X	X
2	Unit 2: A place to stay 2.1. Reading: Client perceptions of hotels 2.2. Find out 2.3. Customer care: Welcoming guests 2.4. Vocabulary: New arrivals 2.5. Listening: Registration procedures 2.6. Speaking: Registering new arrivals	X	X	X	X	X	X	X

	<p>2.7. Pronunciation</p> <p>2.8. Language spot: Where things are</p> <p>2.9. Speaking: Tell me where</p> <p>2.10. Reading: Hotel services</p> <p>2.11. Writing: Hotel information</p> <p>2.12. Listening: The staff structure of hotels</p>							
3	<p>Unit 3: Tourist information services</p> <p>3.1. Vocabulary: Information types</p> <p>3.2. Reading: Tourist information centres</p> <p>3.3. Customer care: Assessing customer types</p> <p>3.4. Listening</p> <p>3.5. Language spot: Giving directions and preps of movement</p> <p>3.6. Pronunciation</p> <p>3.7. Reading: Liverpool</p> <p>3.8. Language spot: Recommending and promoting</p> <p>3.9. Writing: Recommendations</p>	X	X	X	X	X	X	X
4	<p>Unit 4: Holiday rep</p> <p>4.1. Listening: A rep for all reasons</p> <p>4.2. Reading: Resort representative</p> <p>4.3. Listening: Welcome to paradise!</p> <p>4.4. Pronunciation</p> <p>4.5. Speaking: A welcoming talk</p> <p>4.6. Language spot: Advice and obligation</p> <p>4.7. Vocabulary: Holiday health</p> <p>4.8. Reading: Tips on tipping</p> <p>4.9. Find out</p> <p>4.10. Writing: Local tip</p>	X	X	X	X	X	X	X

5	Unit 5: Eating out 5.1. Listening 5.2. Reading: Food tourism 5.3. Find out 5.4. Listening and speaking 5.5. Reading: The traveller's guide to Turkish food 5.6. Language spot: Relative clause 5.7. Writing: The food of my region 5.8. Customer care 5.9. Listening: How to deal with complaints 5.10. Speaking: I'm very sorry	X	X	X	X	X	X	X
6	Unit 6: Rural tourism 6.1. Listening and speaking: Local people and rural tourism 6.2. Vocabulary: Resources for rural tourism 6.3. Reading: Welcome! 6.4. Writing: Welcome-Bienvenue – Willkommen 6.5. Customer care 6.6. Vocabulary: Weather words 6.7. Listening: Forecasting the weather 6.8. Language study: Making predictions 6.9. Speaking: Giving info about the weather	X	X	X	X	X	X	X
7	Unit 7: Attractions and events 7.1. Vocabulary: Types of visitors attractions 7.2. Pronunciation 7.3. Reading: Trends in visitor attractions 7.4. Vocabulary: Architectural features 7.5. Language spot: The passive	X	X	X	X	X	X	X

7.6. Listening: Describing a festival 7.7. Writing: Three festivals 7.8. Different cultures, different responses 7.9. Vocabulary: People and facilities at attractions 7.10. Speaking: Bringing attractions to life								
---	--	--	--	--	--	--	--	--

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thường xuyên, bài thuyết trình, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, Bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thường xuyên, bài thuyết trình, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	- Chuyên cần: Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần - Hoàn thành các bài tập, bài thuyết trình được giao	10% 10%	
2	Kiểm tra giữa học phần	Hình thức kiểm tra: Tự luận Thời gian: 50 phút	30%	
3	Kiểm tra kết thúc học phần	Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm đánh giá về công tác chuẩn bị, nội dung và thuyết trình tại lớp theo những nội dung được phân công.

- Kiểm tra giữa học phần thực hiện vào tuần số 8. Hình thức kiểm tra: Tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 6 câu hỏi: Nghe, Chọn đáp án đúng, đọc đoạn văn chọn từ điền, đọc hiểu và trả lời câu hỏi và viết đoạn văn theo gợi ý tình huống.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng TTKT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và hình thức thi: Tự luận. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trên giấy thi theo quy định của nhà trường. Nội dung thi kết thúc học phần đảm bảo kiến thức của toàn học phần, gồm 6 câu hỏi: Nghe, Chọn đáp án đúng, đọc đoạn văn chọn từ điền, đọc hiểu và trả lời câu hỏi và viết đoạn văn theo gợi ý tình huống

- Nghe: gồm 10 câu nghe điền từ, nghe và chọn True/ False, nghe chọn đáp án.

- Đọc các câu và chọn đáp án: gồm 10 câu

- Đọc đoạn văn và chọn từ điền vào chỗ trống: Đoạn văn có 10 chỗ trống, tương ứng có các lựa chọn A, B, C, D

- Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi: Mỗi đoạn văn có 5 câu hỏi.

- Viết đoạn văn theo gợi ý tình huống.

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại. Giảng viên giao nội dung chuẩn bị thuyết trình cho sinh viên theo nhóm/ cá nhân, sinh viên thuyết trình nội dung theo phân công, giảng viên sửa lỗi. Đối với sinh viên cần chủ động, tích cực, nắm bắt kiến thức, vận dụng tình huống giao tiếp khi luyện tập.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về nội dung liên quan đến từng bài học khi giảng viên yêu cầu

- Yêu cầu về làm bài tập, tự học: Làm đầy đủ các bài tập được giao, thực hiện thiết kế power point để thuyết trình nội dung chuẩn bị trước khi đến lớp theo yêu cầu từng phần của giảng viên, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học phần

* Tài liệu bắt buộc:

[1] Tiếng Anh du lịch 2- Trường Đại học Sao Đỏ

* Tài liệu tham khảo:

[2] Trish Stott & Rod Revel (2004), *Highly Recommended: English for the hotel and catering industry* (New Edition), OUP.

[3] Peter Strutt (2003), *English for International Tourism: Pre-Intermediate*, Longman.

15. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Unit 1: Arrivals Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về đặc điểm 1 số nghề nghiệp liên quan đến ngành du lịch. - Hiểu và sử dụng quy tắc giao tiếp. - Hội thoại theo chủ đề. Nội dung cụ thể: 1.1. Reading: Welcome-the first encounter	2	1	[1] [3]	- Chuẩn bị nội dung p.Take off tr.1 TL [1]. - Nói từ phần (p.) 1.1.1 tr.1 TL [1]. - Tra từ mới p.1.1.2 và 1.2 tr.1-2 TL [1]. - Nghiên cứu cách sử dụng ngôn ngữ cơ thể khi chào hỏi trên thế giới p.1.3 tr.4 TL [1]. - Đọc Unit 1 trang 6 TL [3].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.2. Where in the world 1.3. Customer care 1.4. Listening				
2	Unit 1: Arrivals (cont.) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về chủ đề đón khách. - Hội thoại về hỏi thông tin cá nhân khách hàng. Nội dung cụ thể: 1.5. Speaking: Welcoming visitors 1.6. Vocabulary: Arriving and moving on 1.7. Reading: Cape town arrival information 1.8. Writing: Arrival information	2	1	[1] [3]	- Thành lập đoạn hội thoại Task 1-p.1.5 tr. 6 TL [1]. - Hoàn thành p.1.6 tr.7-8 TL[1]. - Tra từ mới Task 2 p.1.7 tr.9 TL [1]. - Chuẩn bị các dữ liệu p.1.8 tr.10 TL [1]. - Đọc Unit 1 trang 10 TL [3]. - Đọc Unit 2 tr.7-14 TL [2].
3	Unit 2: A place to stay Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về đón, trả khách. - Hiểu quy tắc phân loại phòng trong khách sạn. - Hội thoại theo chủ đề. Nội dung cụ thể: 2.1. Reading: Client perceptions of hotels 2.2. Find out 2.3. Customer care: Welcoming guests 2.4. Vocabulary: New arrivals 2.5. Listening: Registration	2	1	[1] [2] [3]	- Hoàn thành p.Take off tr.11 TL [1]. - Trả lời câu hỏi Task 1 p.2.1 tr.12 TL[1]. - Chuẩn bị nội dung Task 1 p.2.2 tr.13 TL [1]. - Nghiên cứu quy tắc chào mừng khách p.2.3 tr.14 TL [1]. - Đọc Unit 3 tr.22 TL [3].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	procedures 2.6. Speaking: Registering new arrivals				
4	<p>Unit 2: A place to stay (cont.) Mục tiêu: - Luyện âm, thực hành kỹ năng nghe về chủ đề dịch vụ khách sạn. - Hội thoại theo chủ đề thông tin khách sạn.</p> <p>Nội dung cụ thể: 2.7. Pronunciation 2.8. Language spot: Where things are 2.9. Speaking: Tell me where 2.10. Reading: Hotel services 2.11. Writing: Hotel information 2.12. Listening: The staff structure of hotels</p>	2	1	[1] [3]	- Luyện nghe p.2.7 tr.17 TL [1]. - Nghiên cứu cấu trúc miêu tả vị trí, nơi chôn p.2.8 tr.18 TL [1]. - Thiết kế hội thoại p.2.9 tr.18 TL [1]. - Đọc Unit 5 tr.40 TL [3]. - Hoàn thành Task 1 p.2.12 tr.20 TL [1].
5	<p>Unit 3: Tourist information services Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng thông tin dịch vụ khách sạn - Hiểu quy tắc phân loại khách - Hội thoại theo chủ đề.</p> <p>Nội dung cụ thể: 3.1. Vocabulary: Information types 3.2. Reading: Tourist information centres 3.3. Customer care: Assessing customer types 3.4. Listening</p>	2	1	[1] [3]	- Trả lời câu hỏi p.Take off tr.23 TL [1]. - Hoàn thành p.3.1 tr. 24 TL [1]. - Tra từ mới p.3.2 tr.24 TL [1]. - Liệt kê các kiểu khách du lịch và cách giải quyết tình huống với từng thể loại khách. - Đọc Unit 12 tr.98 TL [3].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
6	<p>Unit 3: Tourist information services (cont.) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về chỉ đường, chỉ hướng - Đọc hiểu về thành phố Liverpool - Viết theo cấu trúc đưa ra khuyến cáo.</p> <p>Nội dung cụ thể: 3.5. Language spot: Giving directions and preps of movement 3.6. Pronunciation 3.7. Reading: Liverpool 3.8. Language spot: Recommending and promoting 3.9. Writing: Recommendations</p>	2	1	[1] [3]	- Chuẩn bị hội thoại hỏi về thông tin du lịch tại văn phòng du lịch. - Hoàn thành Task 2 p.3.4 tr.26 TL [1]. - Chuẩn bị nội dung Task 1-4 tr.28 TL [1]. - Luyện âm p.3.6 tr.29 TL [1]. - Đọc Unit 12 tr.105 TL [2]
7	<p>Unit 4: Holiday rep Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chủ đề chào đón khách. - Hiểu và sử dụng quy tắc giao tiếp. - Hội thoại theo chủ đề.</p> <p>Nội dung cụ thể: 4.1. Listening: A rep for all reasons 4.2. Reading: Resort representative 4.3. Listening: Welcome to paradise! 4.4. Pronunciation 4.5. Speaking: A welcoming talk</p>	2	1	[1] [3]	- Hoàn thành p.Take off tr.34 TL [1]. - Chuẩn bị nội dung Task 1 p.4.1 tr.34 TL [1]. - Tra từ mới và luyện đọc Task 3 tr.37 TL [1]. - Đọc Unit 9 tr.74 TL [3].
8	Kiểm tra giữa học phần	2	1		- Ôn tập nội dung chính các bài từ 1-4 - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
9	<p>Unit 4: Holiday rep (cont.) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về chủ đề sức khỏe khi đi du lịch. - Hiểu và sử dụng cấu trúc đưa lời khuyên, trình bày về các quy định. - Hội thoại theo chủ đề.</p> <p>Nội dung cụ thể: 4.6. Language spot: Advice and obligation 4.7. Vocabulary: Holiday health 4.8. Reading: Tips on tipping 4.9. Find out 4.10. Writing: Local tip</p>	2	1	[1] [3]	- Luyện nghe p.4.4 tr.38 TL [1]. - Đọc - Tra từ mới bài đọc và hoàn thành Task 1 p.4.6 tr.40 TL [1]. - Chuẩn bị nội dung p.4.7 tr.41 TL [1]. - Đọc Unit 9 tr.78 TL [2].
10	<p>Unit 5: Eating out Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về các món ăn, quy tắc ăn uống - Hiểu và sử dụng quy tắc ăn uống trong giao tiếp. - Hội thoại theo chủ đề.</p> <p>Nội dung cụ thể: 5.1. Listening 5.2. Reading: Food tourism 5.3. Find out 5.4. Listening and speaking</p>	2	1	[1] [3]	- Hoàn thành p.Take off tr.45 TL [1]. - Tra từ và luyện đọc bài khóa trả lời các câu hỏi p.5.4 tr.47-48 TL [1]. - Chuẩn bị nội dung hội thoại phục vụ khách trong nhà hàng. - Đọc Unit 10 tr.82-89 TL [3].
11	<p>Unit 5: Eating out (cont.) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về món ăn của Thổ Nhĩ Kỳ - Hiểu và sử dụng mệnh đề quan hệ</p>	2	1	[1] [2]	- Tra từ mới, luyện đọc bài khóa p.5.5 tr.50 TL [1]. - Chuẩn bị bài giới thiệu về đặc sản của địa phương theo Task 3 p.5.7 tr.52 TL [1]. - Đọc Unit 13 tr.28-29 TL [2].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>- Thực hành nghe về chủ đề giải quyết các phàn nàn. Nội dung cụ thể: 5.5. Reading: The traveller's guide to Turkish food 5.6. Language spot: Relative clause 5.7. Writing: The food of my region 5.8. Customer care 5.9. Listening: How to deal with complaints 5.10. Speaking: I'm very sorry</p>				<p>- Tìm hiểu cách giải quyết phàn nàn của khách. - Chuẩn bị nội dung đoạn hội thoại p.5.10 tr.54 TL [1]. - Đọc Unit 14 tr.30-31 TL [2].</p>
12	<p>Unit 6: Rural tourism Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng du lịch địa phương. - Thực hành kỹ năng nghe về chủ đề du lịch địa phương. - Hội thoại theo chủ đề. Nội dung cụ thể: 6.1. Listening and speaking: Local people and rural tourism 6.2. Vocabulary: Resources for rural tourism 6.3. Reading: Welcome! 6.4. Writing: Welcome-Bienvenue – Willkommen</p>	2	1	[1] [2]	<p>- Hoàn thành p.Take off tr.55 TL [1]. - Trả lời câu hỏi Task 1 p.6.1 tr.56 TL [1]. - Tra từ mới, luyện đọc Task 6 p.6.1 tr.57 TL [1]. - Chuẩn bị p.6.2 tr.58 TL [1]. - Đọc Unit 11 tr.90-92 TL [3].</p>
13	<p>Unit 6: Rural tourism (cont.) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chăm sóc khách hàng - Hiểu và sử dụng cấu trúc giới thiệu thời tiết</p>	2	1	[1] [3]	<p>- Tra từ mới, luyện đọc bài khóa p.6.3 tr.59-60 TL [1]. - Chuẩn bị nội dung Task 4 p.6.3 tr.60 TL [1]. - Nghiên cứu nội dung 1 bài giới thiệu địa điểm du lịch</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>- Hội thoại theo chủ đề.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.5. Customer care</p> <p>6.6. Vocabulary: Weather words</p> <p>6.7. Listening: Forecasting the weather</p> <p>6.8. Language study: Making predictions</p> <p>6.9. Speaking: Giving info about the weather</p>				<p>theo p.6.4 tr.61 TL [1].</p> <p>- Hoàn thành p.6.6 tr.62 TL [1].</p> <p>- Đọc Unit 11 tr. 93-94 TL [3].</p>
14	<p>Unit 7: Attractions and events</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày các từ vựng về chủ đề thu hút khách du lịch</p> <p>- Hiểu và sử dụng mẫu câu giao tiếp.</p> <p>- Hội thoại theo chủ đề.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.1. Vocabulary: Types of visitors attractions</p> <p>7.2. Pronunciation</p> <p>7.3. Reading: Trends in visitor attractions</p> <p>7.4. Vocabulary: Architectural features</p> <p>7.5. Language spot: The passive</p>	2	1	[1] [3]	<p>- Hoàn thành p.Take off tr.65 TL [1].</p> <p>- Chuẩn bị nội dung p.7.1 tr.66 TL [1].</p> <p>- Luyện nghe Task 1 p.7.2 tr.66 TL [1].</p> <p>- Tra từ mới, luyện đọc p.7.3 tr.67-68 TL [1].</p> <p>- Đọc Unit 12 tr.102-104 TL [3].</p>
15	<p>Unit 7: Attractions and events (cont.)</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày các từ vựng chủ đề lễ hội.</p> <p>- Hiểu và sử dụng quy tắc giao tiếp.</p> <p>- Hội thoại theo chủ đề.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.6. Listening: Describing a festival</p>	2	1	[1] [3]	<p>- Tra từ mới, chuẩn bị nội dung p.7.4 tr.68-70 TL [1].</p> <p>- Nghiên cứu cấu trúc, cách dùng câu bị động và hoàn thành Task 4 p.7.5 tr.71 TL [1].</p> <p>- Đọc bài khóa Task 5 p.7.6 tr.73-74 TL [1].</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	7.7. Writing: Three festivals 7.8. Different cultures, different responses 7.9. Vocabulary: People and facilities at attractions 7.10. Speaking: Bringing attractions to life				- Chuẩn bị nội dung miêu tả một lễ hội. - Đọc Unit 11 tr.91-97 TL [3]
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1] [2] [3]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 1 đến unit 7. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

